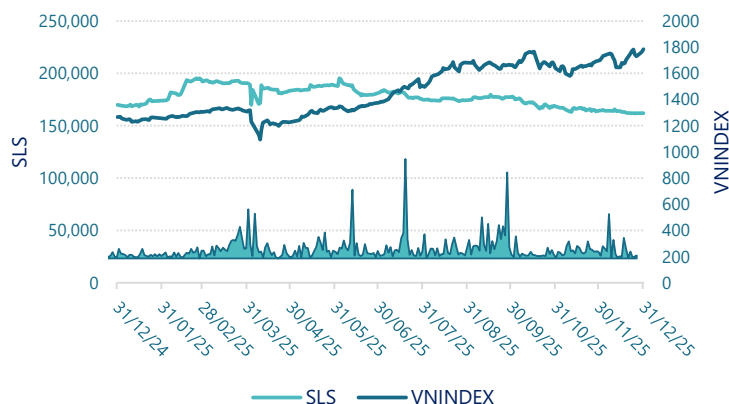


CTCP Mía đường Sơn La (HNX: SLS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	161,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	195,368
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	161,800
SL cổ phiếu LH	9,791,945
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,910
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,585
P/E	4.4
EPS	36,744

DT thuần

Q4/25

249

tỷ VNĐ

QoQ: ▼50.0 | -16.6%

YoY: ▼72.0 | -22.3%

LN sau thuế

Q4/25

92.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲11.0 | 13.5%

YoY: ▼12.5 | -11.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

30.8%

+/- YoY: ▼ 10.5%

DT thuần

2025

1,209

tỷ VNĐ

YoY: ▼84.0 | -6.5%

LN sau thuế

2025

360

tỷ VNĐ

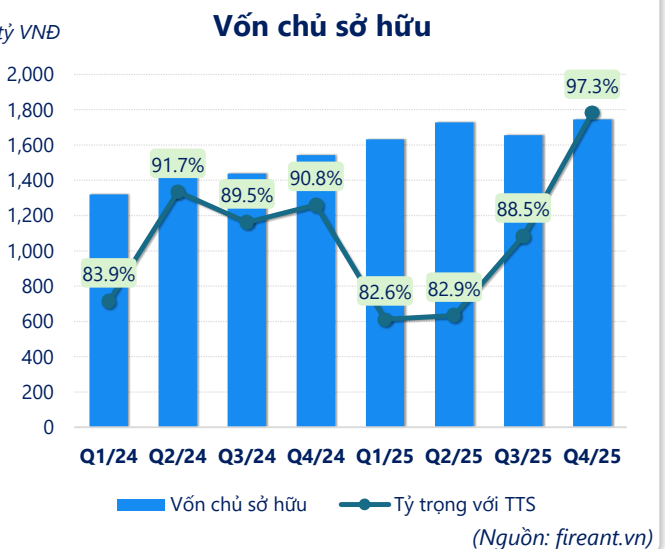
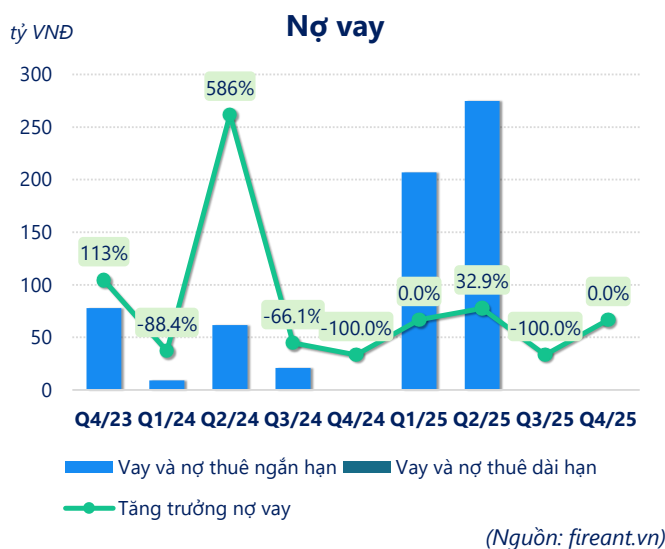
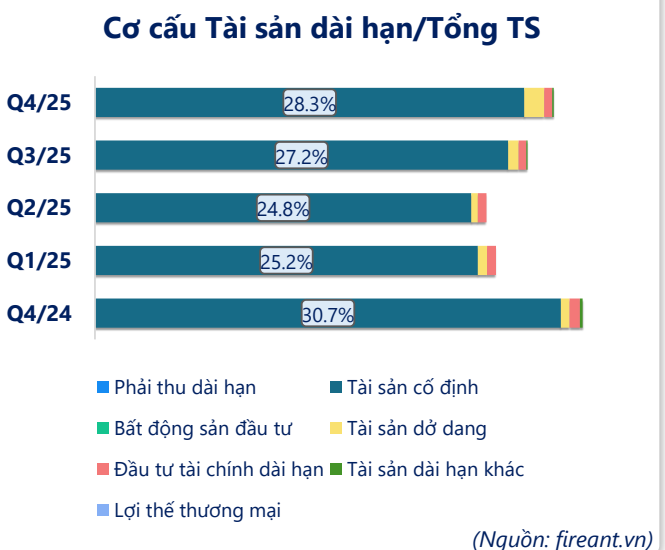
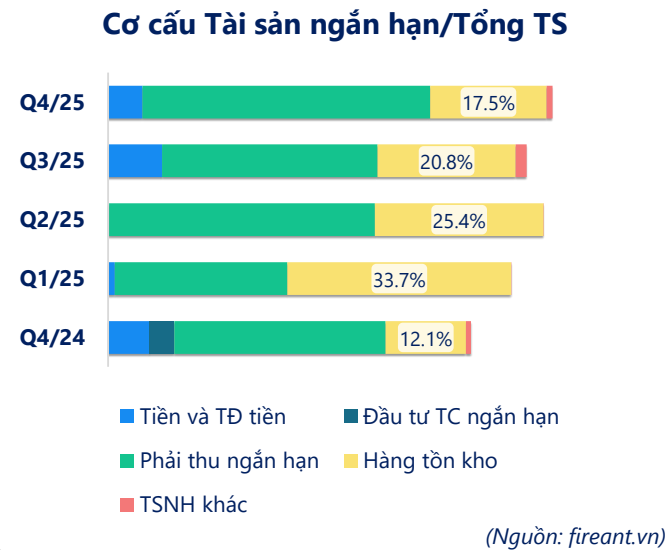
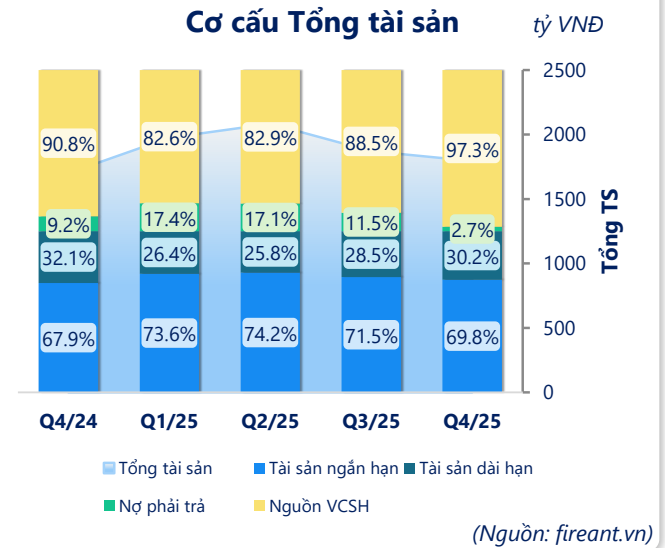
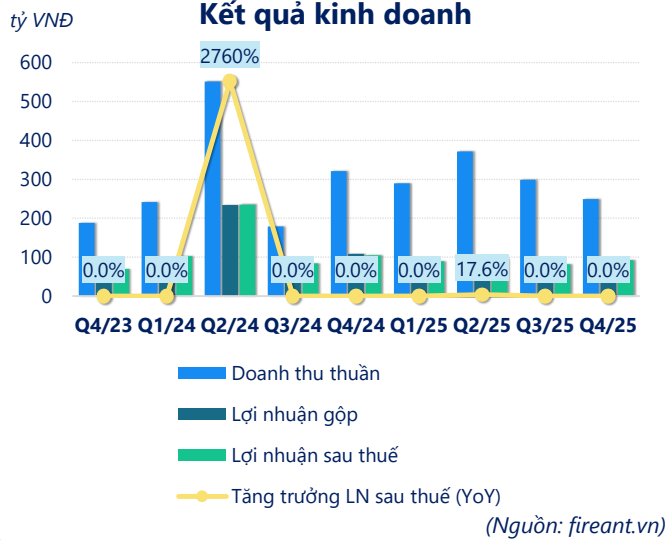
YoY: ▼166 | -31.6%

ROE

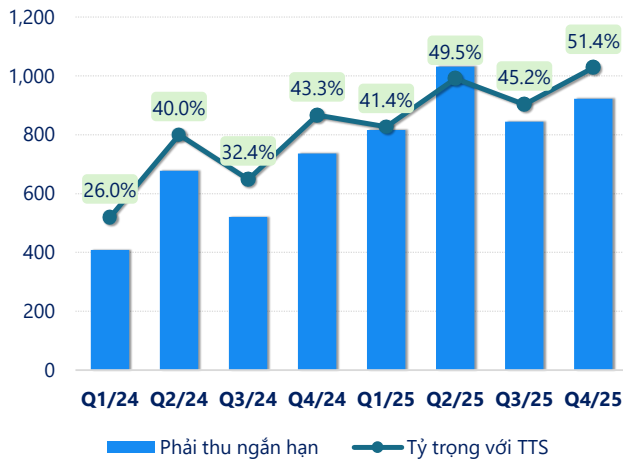
2025

21.9%

+/- YoY: ▼ 16.2%

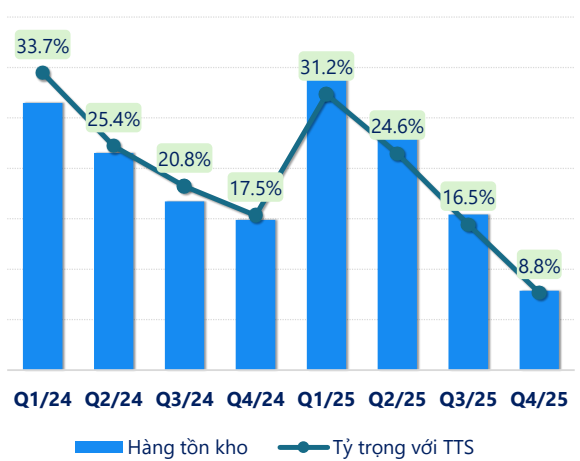


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


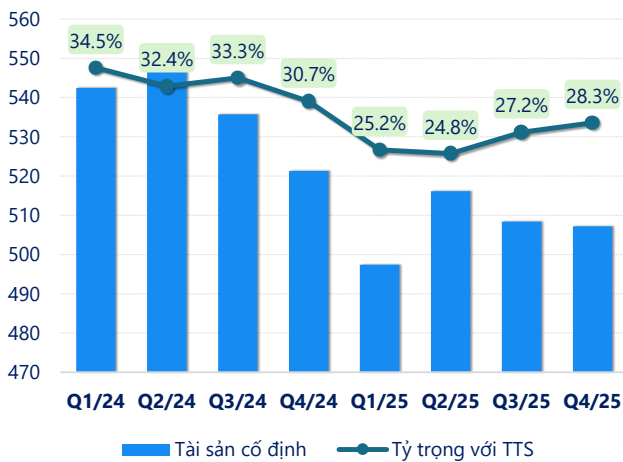
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


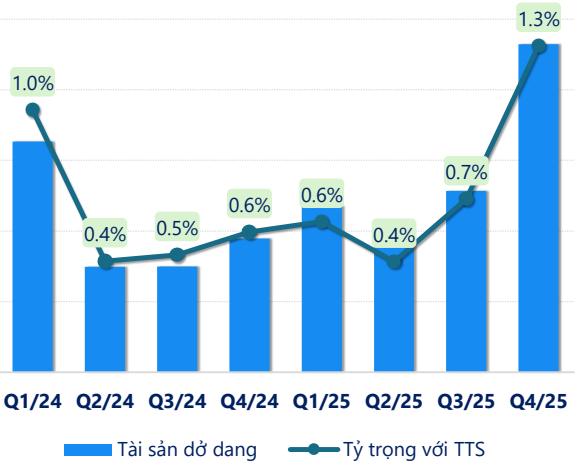
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

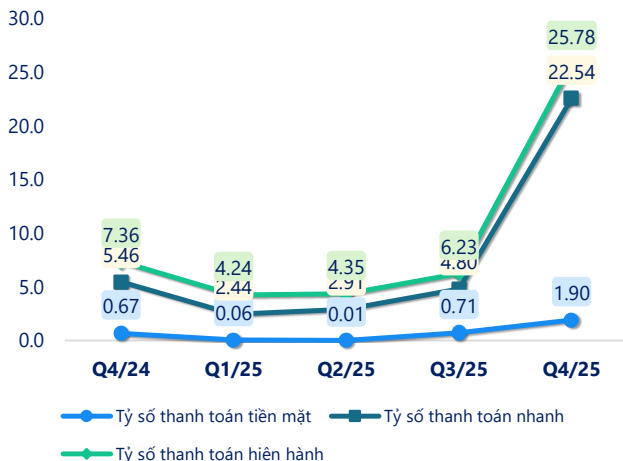
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

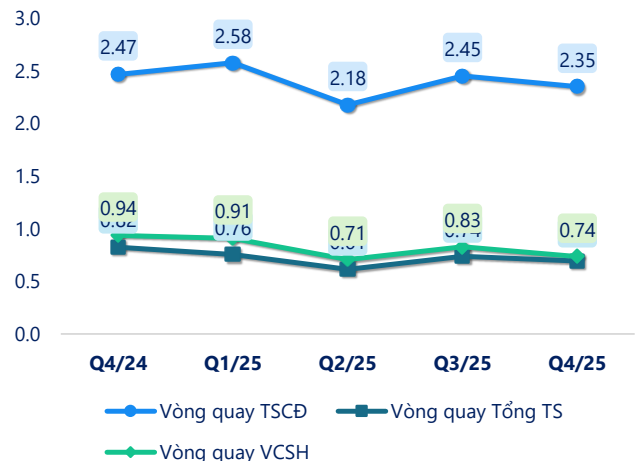
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,699	1,974	2,083	1,870	1,794
Tài sản ngắn hạn	1,154	1,453	1,547	1,337	1,253
Tiền và tương đương tiền	105	20.1	3.21	152	92.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	736	816	1,032	844	922
Hàng tồn kho	298	616	512	308	157
Tài sản ngắn hạn khác	14.8	0	0	33.0	80.5
Tài sản dài hạn	545	521	537	533	542
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	521	497	516	508	507
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.46	11.8	9.14	12.8	23.2
Đầu tư tài chính dài hạn	11.6	11.6	11.6	9.60	9.60
Tài sản dài hạn khác	2.95	0	0	1.66	1.65
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	157	342	356	215	48.6
Nợ ngắn hạn	157	342	356	215	48.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	207	275	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	101	105	45.6	8.86	33.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,543	1,631	1,728	1,655	1,746
Vốn chủ sở hữu	1,543	1,631	1,728	1,655	1,746
Vốn điều lệ	97.9	97.9	97.9	97.9	97.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)